

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 30/2022/DSST.

Ngày: 28/10/2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lộc Thị Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuận và bà Phạm Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại Phòng xử án TAND huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 56/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2022 về *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số 83/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2022; quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 86/2022/QĐST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh M; sinh năm 1960; địa chỉ: Số nhà A, xóm B, xã H, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: tổ dân phố V, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Tô Tiến D, sinh năm 1975; địa chỉ: số Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Nguyễn Thị Bích P, chị Nguyễn Thị Thanh M1, anh Nguyễn Thanh M2; cùng trú tại: xóm B, xã H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Bích P, chị Nguyễn Thị Thanh M1, anh Nguyễn Thanh M2: ông Nguyễn Thanh M, sinh năm 1960; địa chỉ: Số nhà A, xóm B, xã H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình lấy lời khai, làm việc tại Tòa án và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Thanh M trình bày: Do có mối quan hệ quen biết với bà Nguyễn Thị D nên vợ ông Nguyễn Thanh M (bà Nguyễn Thị P đã chết vào ngày 12/8/2008) đã cho bà D vay tiền 04 lần, cụ thể: ngày

15/5/2006 cho bà D vay số tiền 200.000.000 đồng; ngày 03/8/2006 cho bà D vay số tiền 500.000.000 đồng; ngày 22/8/2006 cho bà D vay 300.000.000 đồng; ngày 20/01/2008 cho bà D vay số tiền 850.000.000 đồng. Tổng số tiền đã cho bà D vay là 1.850.000.000 đồng. Hiện nay đã quá thời hạn trả nợ đã lâu, vợ ông M (bà Nguyễn Thị P) đã chết, đến nay ông M đã nhiều lần yêu cầu bà D thanh toán toàn bộ số tiền đã vay của bà P nhưng bà D cứ khất lần không thanh toán số tiền còn nợ lại. Vì vậy ông Nguyễn Thanh M yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị D phải thanh toán cho ông M số tiền 1.850.000.000 đồng đã vay và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Tại bản tự khai, không đề ngày chỉ đề tháng 7/2022, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Tô Tiến D trình bày: Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thông qua 04 giấy vay tiền đã nộp tại Tòa án thì giấy vay tiền ghi ngày 20/01/2008 với số tiền cho vay là 850.000.000 đồng thì không xác định được ai là người cho vay. Bị đơn xác định trước đây bị đơn có làm ăn mua bán phân bón với bà Nguyễn Thị P nên một số khoản nợ ghi trong giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp là khoản tiền mua bán phân bón, không phải là khoản tiền vay và các khoản nợ nần và mua bán phân bón giữa hai bên đã thỏa thuận và giải quyết xong, vì thời gian đã lâu hai bên không có tranh chấp hay yêu cầu gì về việc nợ nần này. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý và yêu cầu Tòa án bác toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa ngày 28/9/2022 ông Tô Tiến D đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để giám định chữ ký trong các Giấy vay tiền mà bà D đã ký.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút:

- Về phần tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành hòa giải đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) đã thực hiện đúng mọi thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định của pháp luật. HĐXX đúng thành phần, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, HĐXX đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về phần chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã vắng mặt tại phiên tòa ngày 12/9/2022 và ngày 28/10/2022 vì vậy HĐXX tiến hành mở phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho ông Nguyễn Thanh M, chị Nguyễn Thị Bích P, chị Nguyễn Thị Thanh M1, và anh Nguyễn Thanh M2 số tiền 1.850.000.000 đồng (Một tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền vay là 1.850.000.000 đồng do đó quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bị đơn bà Nguyễn Thị D cư trú tại tổ dân phố V, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông, vì vậy tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quyền khởi kiện: Bà Nguyễn Thị P chết ngày 12/8/ 2008, ông Nguyễn Thanh M là chồng; chị Nguyễn Thị Bích P, chị Nguyễn Thị Thanh M1 và anh Nguyễn Thanh M2 là con thuộc diện hàng thừa kế thứ nhất; phía nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ lại nhưng bị đơn đều khất lần không thực hiện, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ông Nguyễn Thanh M là người được hàng thừa kế thứ nhất ủy quyền tham gia tố tụng theo Điều 186 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông M có quyền khởi kiện vụ án.

[3]. *Về chứng cứ chứng minh*: Ông Nguyễn Thanh M cung cấp tại Tòa án 04 Giấy vay tiền gồm: 01 giấy vay ngày 15/5/2006 thể hiện bà Nguyễn Thị P có cho bà Nguyễn Thị D vay số tiền 200.000.000 đồng; 01 giấy vay tiền ngày 03/8/2006 thể hiện bà Nguyễn Thị P cho bà D vay số tiền 500.000.000 đồng; 01 giấy vay tiền ngày 22/8/2006 thể hiện bà Nguyễn Thị P cho bà D vay 300.000.000 đồng; 01 giấy vay tiền ngày 20/01/2008 thể hiện cho bà D vay số tiền 850.000.000 đồng; các Giấy vay tiền đều có chữ ký của người vay là bà Nguyễn Thị D.

[4]. *Về nội dung vụ án*:

4.1. Hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị D là hoàn toàn có thật, điều đó được thể hiện qua 04 giấy vay tiền mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ bản gốc có chữ ký của bà D. Vì vậy, khi bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông M (là nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị P) khởi kiện yêu cầu bà D trả nợ là có cơ sở.

4.2. Xét hợp đồng vay tài sản được xác lập giữa bà P với bà D bằng 04 Giấy vay tiền gồm: 01 giấy vay ngày 15/5/2006 thể hiện bà Nguyễn Thị P có cho bà Nguyễn Thị D vay số tiền 200.000.000 đồng; 01 giấy vay tiền ngày 03/8/2006 thể hiện bà Nguyễn Thị P cho bà D vay số tiền 500.000.000 đồng; 01 giấy vay tiền ngày 22/8/2006 thể hiện bà Nguyễn Thị P cho bà D vay 300.000.000 đồng; 01 giấy vay tiền ngày 20/01/2008 thể hiện cho bà D vay số tiền 850.000.000 đồng; không tính lãi, thời hạn trả nợ không thỏa thuận cụ thể; xét nội dung của hợp đồng: thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định của pháp luật. HĐXX xác định đây là hợp đồng vay không có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 471, Điều 474 và Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tại Điều 471 BLDS 2005 quy định:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”

Tại khoản 1 khoản 4 Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005 quy định:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Tại khoản 1 Điều 477 của Bộ luật Dân sự 2005 quy định:

“1. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, nếu không có thỏa thuận khác”.

4.3. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, bản phô tô 04 Giấy vay tiền cho bà Nguyễn Thị D: Điều này thể hiện việc bà D đã biết việc ông M khởi kiện về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản đã ký kết giữa bà P và bà D.

4.4. Đại diện theo ủy quyền của bà D, ông Tô Tiến D cho rằng một số khoản nợ ghi trong giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp là khoản tiền mua bán phân bón, không phải là khoản tiền vay và các khoản nợ nần và mua bán phân bón giữa hai bên đã thỏa thuận và giải quyết xong, vì thời gian đã lâu hai bên không có tranh chấp hay yêu cầu gì về việc nợ nần này nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ, HĐXX không có căn cứ để chấp nhận đối với lời trình bày này.

Tại phiên tòa ngày 28/9/2022, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Tô Tiến D đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để giám định chữ ký trong các Giấy vay tiền mà bà D đã ký, HĐXX đã có Thông báo về việc thực hiện thủ tục tố tụng giám định chữ ký, chữ viết và giao trực tiếp Thông báo này cho ông D tuy nhiên ông D không thực hiện theo Thông báo; HĐXX không xem xét đối với yêu cầu này của bị đơn.

4.5. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và phải chịu hậu quả về việc không chứng minh để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông M là có cơ sở: buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho ông Nguyễn Thanh M số tiền là 1.850.000.000đ (Một tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng).

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật trên số tiền

1.850.000.000 đồng, tương ứng với số tiền: 36.000.000 đồng + 3% x 1.050.000.000 đồng = 67.500.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474, Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688, Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 44, khoản 3 Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh M.

Buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho ông Nguyễn Thanh M, chị Nguyễn Thị Bích P, chị Nguyễn Thị Thanh M1, anh Nguyễn Thanh M2 số tiền 1.850.000.000 đồng (Một tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà Nguyễn Thị D không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, ông Nguyễn Thanh M, chị Nguyễn Thị Bích P, chị Nguyễn Thị Thanh M1, anh Nguyễn Thanh M2 có quyền yêu cầu thi hành án. Từ khi có đơn yêu cầu thi hành án thì áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị D phải nộp 67.500.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lộc Thị Vinh